

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí  
hỗ trợ cho các hoạt động trên đất trồng lúa tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số 1548/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trên đất trồng lúa tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động liên quan đến sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

## **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

## **Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ**

### **1. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa để phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa theo các nội dung hoạt động được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Việc phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố hàng năm, căn cứ vào diện tích đất trồng lúa được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm trước liền kề năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

### **2. Phạm vi hỗ trợ**

Đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ diện tích được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa); đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất tại địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 3. Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ**

Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sau:

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

4. Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

5. Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ và theo kế hoạch của địa phương được phê duyệt.

6. Các nội dung hỗ trợ từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này không vượt quá phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

3. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn kinh phí để sử dụng cho các nội dung chi tại Điều 3 Nghị quyết này theo đúng quy định và phù hợp với thực tế phát sinh của từng địa phương.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Các nội dung không được quy định chi tiết tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, NN và MT;
- Vụ Pháp chế các Bộ: TC, NN và MT;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở: TP, TC, NN và MT;
- KBNN khu vực XVIII;
- Bộ phận một cửa tại Trà Vinh - CCTKV XVIII;
- Chi cục Thống kê tỉnh Trà Vinh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT và TH, Báo Trà Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử Trà Vinh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**